

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 260/2019/DS-PT

Ngày 22-8-2019

V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất và nhà

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đình Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 năm 2019, ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 48, ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 784, ấp Q, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2013).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 48, ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1944; Địa chỉ: 184/2/A, Khóm 1, thị trấn Y, huyện G, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2012).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 340/A, ấp N, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp của bà M1, bà T2, bà H, bà B: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1944; Địa chỉ: 184/2/A, khóm 1, thị trấn Y, huyện G, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2014 và 21/5/2019).

4. Người kháng cáo:

- Bà Huỳnh Thị T1 là bị đơn.

- Ông Huỳnh Văn P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chị T, ông M, ông P1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai tại các phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn P ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Mẹ của ông P là cụ Phạm Thị O có tổng cộng 08 người con gồm: Huỳnh Văn P, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Văn P1, Huỳnh Thị M1, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị H và Huỳnh Văn D (chết không có vợ con); hiện còn 7 người. Ngày 21/01/2011, cụ O chết để lại các tài sản như sau:

- 300m² đất thổ, thuộc thửa số 1110, tờ bản đồ số 01;

- 275m² đất cây lâu năm, thuộc thửa 1109, tờ bản đồ số 01;

- 2.712m² đất cây lâu năm, thuộc thửa 1111, tờ bản đồ số 01;

- 7.190m² đất lúa, thuộc thửa số 1083, tờ bản đồ số 01;

- 443m² đất cây lâu năm, thuộc thửa số 1226, tờ bản đồ số 01;

- 01 ngôi nhà chính ngang 10m, dài khoảng 4m hiện do bà Huỳnh Thị T1 quản lý và sử dụng;

- 01 ngôi nhà phụ ở mé sông ngang 12m, dài 7m;

Các phần đất trên đều tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngoài ra lúc sinh thời cụ Phạm Thị O còn tạo dựng được một số tài sản khác như:

- 01 căn nhà chính ngang khoảng 06m, dài khoảng 10m và các vật dụng trong nhà gồm:

- + 01 ghế cần thờ ông bà (loại gỗ xua);
- + 02 ghế luông (loại gỗ xua);
- + 01 cái tủ áo (loại gỗ xua);
- + 01 bàn chữ U và 06 ghế đai (loại gỗ xua);
- + 03 bàn tròn (loại gỗ tạp).

(Căn nhà và các vật dụng trong nhà do bà Tho đang quản lý và sử dụng).

- 01 căn nhà phụ ở mé sông bà Thận ngang khoảng 7m, dài khoảng 12m và các vật dụng trong nhà gồm:

- + 01 tủ chén (loại gỗ xua);
- + 01 giường ngủ (loại gỗ tạp);
- + 01 bàn chữ nhật (loại gỗ xua);
- + 01 bộ ván ngựa (loại gỗ tạp);
- + 01 ghế đôn (loại đá xua);
- + ½ võ lúa xua.

(căn nhà phụ và các vật dụng trong nhà do bà T2 quản lý và sử dụng).

Trong thời gian cụ O còn sống có đồng ý cho ông P một nền nhà ở để làm nahan và một sân phơi nahan có chiều dài 61m (tính từ mí lộ 853 củ), ngang trước 11m, ngang sau 7,5m. Cụ O cũng đồng ý cho ông P một con đường đi khoảng 2m (tính từ lộ 853 củ đến mé sông) để ông P sinh hoạt nước và một con đường đi ra ruộng khoảng 2m. Về phần đất ruộng thì cụ O cũng đồng ý để cho ông P khoảng 1.500m² đất (hiện phần đất này ông P đang canh tác). Tuy nhiên việc cụ O cho ông P các phần đất lúc cụ O còn sống thì không có giấy tờ gì chứng minh.

Ông P yêu cầu được nhận hưởng di sản đất của cụ O để lại như sau:

- Một phần thửa 1110, tờ bản đồ số 01, diện tích là 118,3m², giới hạn bởi các mốc A-B-G-F-E-H-A theo sơ đồ đo đạc (chỉnh lần 2) ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

- Một phần thửa 1226, tờ bản đồ số 01, diện tích 279,2m², giới hạn bởi các mốc K-J-B-A-H-E-N-15-K theo sơ đồ đo đạc chỉnh lý bổ sung ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

- Một phần thửa 1083, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.429,7m², giới hạn bởi các mốc 23-31-33-11-12-22-23 theo sơ đồ đo đạc chỉnh lý bổ sung ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

- Một phần thửa 1083, tờ bản đồ số 01, diện tích là 629,9m², giới hạn bởi các mốc 23-24-30-9-10-33-31-23 theo sơ đồ đo đạc chính lý bổ sung ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

Ngoài ra, các tài sản khác của cụ O để lại, ông P không yêu cầu chia.

Chị T đại diện cho ông P đồng ý giữ nguyên giá tài sản tranh chấp theo biên bản định giá ngày 11/01/2013 và không yêu cầu định giá lại.

- Theo nội dung bản tự khai, lời khai tại các phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị T1 ủy quyền cho ông Lê Thanh M trình bày:

- Lúc sinh thời cụ bà Phạm Thị O có các người con và tài sản như ông Huỳnh Văn P trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong thời gian cụ O còn sống thì có lập di chúc ngày 26/9/2005 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C. Trong di chúc thì cụ bà Phạm Thị O có đồng ý cho ông P 90m² đất để làm nhà ở và hiện tại ông P đã nhận đủ. Tuy nhiên, với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Bà T1 chỉ đồng ý cho ông P sử dụng 1.429,7m² đất ruộng và 629,6m² đất vườn khi nào không sử dụng nữa thì trả cho bà Huỳnh Thị T1.

- Đối với yêu cầu của ông P1 thì bà T1 không đồng ý, bà T1 yêu cầu đất tranh chấp không chia mà để lại làm đất hương hỏa.

Ông Lê Thanh M đại diện cho bà T1 đồng ý giữ nguyên giá theo biên bản định giá ngày 11/01/2013 và không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P1 trình bày:

Thống nhất về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản của cụ O để lại như đại diện nguyên đơn trình bày. Ông P1 cho rằng vào khoảng năm 2006 cụ O có kêu ông về để cho ông một nền nhà sát với căn nhà thờ, kích thước mặt giáp đường 853 là 2m, ngang giữa giáp nhà thờ là 4,5m, ngang sau là 6m, chiều dài là khoảng 42m, ông đã bơm cát, mua cây để cất nhà nhưng chỉ bơm có 01 ghe cát với số tiền 800.000 đồng thì bà T1 không cho cất nên đã ngưng. Việc cụ O cho ông P1 nền nhà chỉ bằng lời nói không được lập thành văn bản. Nay ông P1 yêu cầu chia nhận hưởng diện tích đất thửa 1110 là 46,6m² và thửa 1226 có diện tích 180,1m² các phần đất giới hạn bởi các mốc N'-D'-C'-J'13-14-N' theo sơ đồ đo đạc chính lý bổ sung ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X. Ông P1 có đề nghị xem xét tính hợp pháp của di chúc. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị M1, Huỳnh Thị T2 cùng ý kiến trình bày:

- Thống nhất về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản của cụ O để lại như đại diện nguyên đơn trình bày; mẹ là cụ O có để lại di chúc ngày 26/9/2005, trong đó mẹ có để lại đất cho các con và yêu cầu đất tranh chấp không chia để lại làm đất hương hỏa. Tuy nhiên, có ý kiến:

- Không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Chỉ đồng ý cho ông P sử dụng 1.429,7m² đất ruộng và 629,6m² đất vườn khi nào không sử dụng thì trả cho bà Huỳnh Thị T1.

- Đối với yêu cầu của ông P1 thì bà M1 và bà T2 không đồng ý.

- Đối với các phần đất mà đã chia và đã được cấp quyền sử dụng đất thì không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B ủy quyền cho ông Lê Thanh M trình bày:

- Thống nhất về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản của cụ O để lại như đại diện nguyên đơn trình bày; mẹ là cụ O có để lại di chúc ngày 26/9/2005, trong đó mẹ có để lại đất cho các con và yêu cầu đất tranh chấp không chia để lại làm đất hương hỏa. Tuy nhiên, có ý kiến: không yêu cầu nhận hưởng thừa kế theo di chúc, không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Chỉ đồng ý cho ông P sử dụng 1.429,7m² đất ruộng và 629,6m² đất vườn khi nào không sử dụng thì trả cho Huỳnh Thị T1. Đối với yêu cầu của ông P1 thì bà B không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản ý kiến:

Thống nhất về mối quan hệ gia đình, hàng thừa kế và di sản của cụ O để lại như đại diện nguyên đơn trình bày; mẹ là cụ O có để lại di chúc ngày 26/9/2005, trong đó mẹ có để lại đất cho các con. Tuy nhiên, có ý kiến: không yêu cầu nhận hưởng thừa kế, không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Chỉ đồng ý cho ông P sử dụng 1.429,7m² đất ruộng và 629,6m² đất vườn khi nào không sử dụng thì trả cho Huỳnh Thị T1. Đối với yêu cầu của ông P1 thì bà H không đồng ý.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ bà Phạm Thị O để lại.

Ông Huỳnh Văn P, được nhận hưởng phần diện tích đất 118,3m² thuộc một phần thửa 1110, giới hạn bởi các mốc H-E-B-A-H; diện tích 279,2m² thuộc một phần thửa 1226 giới hạn bởi các mốc 15-N-E-H-A-B-J-K-15; diện tích 1.429,7m² thuộc một phần thửa 1083 giới hạn bởi các mốc 23-31-33-11-12-22-23 cùng các cây trồng và công trình kiến trúc khác gắn liền với đất.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2013 và sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp chỉnh lý bổ sung ngày 08/6/2018).

Bác yêu cầu của ông P về việc yêu cầu được quyền sử dụng một phần thửa 1083, tờ bản đồ số 01, diện tích là 629,9m², giới hạn bởi các mốc 23-24-30-9-10-33-31-23 theo sơ đồ đo đạc chỉnh lý bổ sung ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

2. Bác yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn P1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ bà Phạm Thị O để lại gồm phần đất diện tích 46,6m² của thửa 1110 và diện tích 180,1m² của thửa 1226.

3. Giao cho bà Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T2 được tiếp tục quản lý đối với các phần diện tích đất :

- 181,7m² đất thổ, thuộc một phần thửa số 1110, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc E-D'-D-C-C'-B-E (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- 515.2m² đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 1226, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc E-N-N'-14-13-17-K-J-B-C'-C-D-D'-E (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- 2.808,7m² (theo đo đạc thực tế) đất cây lâu năm, thuộc thửa 1111, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc 12-13-17-18-19-20-21-22-12.

- 7.131,4m² (theo đo đạc thực tế) đất lúa, thuộc thửa số 1083, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc 24-23-31-33-10-9-8-7-6-5-4-3-2-1-29-28-27-26-25-24 (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- 275,2m² thuộc thửa 1109, tờ bản đồ 01 giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 và toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Và toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

(Các phần đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2013 và sơ đồ trích đo hiện trạng đất tranh chấp chỉnh lý bổ sung ngày 08/6/2018)

4. Về chi phí xem xét thẩm định định giá tài sản, đo đạc: chi phí định giá 1.600.000 đồng, chi phí đo đạc 5.375.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn P đã nộp 1.000.000 đồng chi phí định giá và 3.250.000 đồng chi phí đo đạc. Bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông P 500.000 đồng chi phí định giá và 1.625.000 đồng chi phí đo đạc. Tổng cộng bà T1 phải trả cho ông P là 2.125.000 đồng.

- Ông P1 tự nguyện chịu 600.000đ chi phí định giá và 2.125.000 đồng chi phí đo đạc. Ông P1 đã nộp và chi xong.

5. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn P phải nộp 6.242.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông P đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 009959 ngày 30/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X sẽ được trừ vào tiền án phí phải nộp; ông P phải nộp thêm 6.042.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Sáu triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

- Ông Huỳnh Văn P1 phải nộp 1.562.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông P1 đã nộp 3.124.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 024637 ngày 30/9/2014

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; số tiền này sẽ chuyển sang tiền án phí phải nộp, như vậy ông P1 được nhận lại 1.562.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2019 bà Huỳnh Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo hướng: Sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, về việc chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn P.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, ông Huỳnh Văn P1 có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo hướng cho ông được hưởng thừa kế di sản của cụ Phạm Thị O để lại gồm diện tích 46,6m² thuộc một phần thửa 1110 và diện tích 180,1m² thuộc một phần thửa 1266, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1 và ông Huỳnh Văn P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Thanh M là người đại diện cho bà Huỳnh Thị T1 xác định: Bà T1 kháng cáo chỉ đồng ý cho ông P sử dụng phần đất thổ có diện tích 90m² và phần đất lúa có diện tích 1.429m², khi ông P chết thì phải giao trả lại cho bà T1.

Ông P1 kháng cáo yêu cầu được sử dụng diện tích 168m².

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông, bà chết để lại cho cụ Huỳnh Văn E (chết không nhớ năm) và cụ Phạm Thị O (chết 2011). Cụ E và cụ O quản lý sử dụng, sau khi cụ E chết, thì cụ O tiếp tục quản lý, sử dụng đến ngày 27/4/2001 cụ O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích: 10.920m² gồm: Thửa 1110, diện tích 300m² đất thổ; Thửa 1109, diện tích 275m², đất trồng cây lâu năm; Thửa 1111, diện tích 2.712m² đất trồng cây lâu năm; Thửa số 1083, diện tích 7.190m², đất lúa và thửa 1226, diện tích 443m² đất trồng cây lâu năm, tất cả các thửa đất cùng tờ bản đồ số 01.

[3] Cụ Huỳnh Văn E và cụ Phạm Thị O chung sống với nhau có 08 người con gồm bà Huỳnh Thị M1, ông Huỳnh Văn D (chết không nhớ năm, không có vợ con), bà Huỳnh Thị Tho, ông Huỳnh Văn P1, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị H và bà Huỳnh Thị T2, không có con nuôi.

Cụ E chết không để lại di chúc, ngày 01/3/2011 cụ O chết có để lại di chúc lập ngày 26/9/2005 .

Theo nội dung tờ di chúc ngày 26/9/2005, thì tài sản của cụ O chết để gồm: Phần đất có diện tích 10.920m², 01 căn nhà cây và một số tài sản khác, cụ O chia cho các con:

- Con gái là bà Huỳnh Thị T1 đứng chủ quyền đất, để sau này bà T1 được hưởng phần đất hương quả, thờ cúng ông bà và nuôi anh trai ông Huỳnh Văn D bị bệnh thần kinh.

Trong phần đất 10.920m², cụ O chia cho con trai ông Huỳnh Văn P 01 nền nhà ngang 6m x 15m, giáp với đất ông Lê Văn Tý, ông P ở khi qua đời thì giao lại phần đất nêu trên cho bà T1 thừa hưởng, cho con gái bà Huỳnh Thị B phía sau nền nhà của ông P, ngang 6m x 15m, giáp với đất của ông Tý, cho con gái Huỳnh Thị T2 một phần đất ở từ mí lộ (Hương lộ 5) trở xuống sông CT để cất nhà ở. Còn con gái Huỳnh Thị H thì không nhận gì trong phần tài sản hương quả.

- Phần đất ở xã A cho con gái bà Huỳnh Thị M1 5.000m² ở cuối rạch Bà Thâm.

- Phần đất 6.000m² ở cầu Vĩ, xã A cho con trai ông Huỳnh Văn P1.

Trong phần đất 10.920m² đất hương quả cụ O chia cho con trai và con gái, phần còn lại một căn nhà cất bằng cây, tài sản trong nhà giao cho bà T1 thừa hưởng tất cả.

[4] Xét thấy, di chúc ngày 26/9/2005 của cụ O: Về hình thức di chúc được lập thành văn bản, có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Về nội dung di chúc: Di chúc của cụ O là di chúc có điều kiện, cho ông P nền nhà 6m x 15m, nhưng khi ông P qua đời phải giao lại cho bà Tho thừa hưởng. Nội dung di chúc có phần không rõ ràng, cụ thể như: Phân chia quyền sử dụng đất cho ông P, nhưng không thể hiện cụ thể vị trí phần đất, giao đất cho bà M1, ông P1, bà T2, bà B cũng không thể hiện cụ thể kích thước của thửa đất; Tuy nhiên, những người được cụ O chỉ định hưởng phần di sản cũng đã thực hiện đúng theo ý nguyện của cụ O, giao bà T1 quản lý căn nhà thờ, phần đất ruộng và lo cúng giỗ ông bà.

Phần đất bà M1 đã được cho bà M1 quản lý, sử dụng diện tích 5.000m² tại xã A. Ông P1 đã được sử dụng 6.000m² đất ruộng tại ấp N, xã A, huyện X, hiện ông P1 đã chuyển nhượng cho người khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M là người đại diện theo ủy quyền của bà T1, bà M1 và ông P1 đều xác định phần đất có diện tích 5.000m² mà bà M1 đang quản lý, sử dụng và phần đất 6.000m² ông P1 được cụ O cho ông P1 đã

chuyển nhượng cho người khác, không nằm trong diện tích 10.920m² theo di chúc ngày 26/9/2005.

Phần đất cụ O chết, để lại diện tích 10.920m², nhưng theo bản đồ trích đo ngày 08/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, thì tổng diện tích đo đạc thực tế các thửa 1110, 1111, 1109, 1083 và thửa 1226 là 12.464,2m². Trong đó diện tích ông P đang quản lý, sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là 2.457,1m² gồm: Diện tích 118,3m² thuộc một phần thửa 1110; Diện tích 279,2m² thuộc một phần thửa 1226; Diện tích 1.429,7m² thuộc một phần thửa 1083 và diện tích là 629,9m² thuộc một phần thửa 1083.

Mặc dù, cụ O chết có để lại di chúc, nhưng theo ông P khi cụ O còn sống, cụ O đã cho ông P quản lý, sử dụng diện tích 2.457,1m². Các anh em cùng hàng thừa kế của ông P đều xác nhận việc ông P được sử dụng phần đất có diện tích 2.457,1m² là có sự đồng ý của cụ O và ông P đã sử dụng ổn định từ 1990 đến nay, trong quá trình sử dụng ông P xây dựng nhà, chuồng bò, trồng cây lâu năm, nhưng cụ O cũng không có ý kiến gì, nhưng việc cụ O lập di chúc chỉ cho ông P được hưởng phần đất 6m x 15m, mà không xem xét đến việc ông P xây dựng nhà, trồng cây lâu năm là không phù hợp.

Tại các bản tự khai, đơn đề đạt ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm thì bà M1, bà T1, bà B, bà H, bà T2 đều nhiều lần thể hiện ý chí là đồng ý cho ông P sử dụng diện tích 1.429,7m² thuộc một phần thửa 1083; diện tích 629,9m² thuộc một phần thửa 1083 để làm nguồn kinh tế, nhưng không đồng ý cho ông P đứng tên quyền sử dụng đất, ông P sử dụng đến khi ông P qua đời thì giao lại cho bà T1, là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phía ông P sử dụng diện tích đất nhiều hơn so với di chúc, việc ông P sử dụng các phần đất này đã có sự đồng ý của cụ O và cho đến khi cụ O chết, thì ông P đã sử dụng liên tục một thời gian dài, sự việc này đã được các đồng thừa kế xác nhận, nên cần giao cho ông P tiếp tục quản lý sử dụng. Tuy nhiên, án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông P, ông P được nhận hưởng di sản đất của cụ O để lại gồm: Diện tích 118,3m² thuộc một phần thửa 1110, bản đồ số 01; Diện tích 279,2m², thuộc một phần thửa 1226, tờ bản đồ số 01; Diện tích 1.429,7m² thuộc một phần thửa 1083, tờ bản đồ số 01; buộc ông P phải giao trả lại phần đất có diện tích 629,9m² không P không có kháng cáo, cho nên cần giữ nguyên án sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế của ông P.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P1 yêu cầu được hưởng diện tích đất 168m² thuộc một phần thửa 1110 và thửa 1226. Ông P1 cho rằng ông P1 đã được cụ O cho khi cụ O còn sống, nhưng ông P1 không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cụ O đã cho ông phần đất này. Mặt khác, theo di chúc thì ông P1 cũng đã được cụ O chia phần đất tương đương 6.000m², tại xã A, hiện ông P1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông P1 là có căn cứ.

Như vậy, việc cụ O lập di chúc ngày 26/9/2005 của cụ O, là nhằm xác định lại việc phân chia tài sản cho các con.

[7] Theo di chúc bà Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T2 cũng được hưởng một

phần tài sản, nhưng bà B, bà T2, bà H không có yêu cầu chia thừa kế. Án sơ thẩm xử giao cho bà T1, bà B và bà T2 được tiếp tục, quản lý, sử dụng diện tích đất ở các diện tích 181,7m², thửa 1110; Diện tích 515,2m², thửa 1226; Diện tích 2.808,7m², thửa 1111; Diện tích 7.131,4m², thửa 1083; Diện tích 275,2m², thửa 1109 và toàn bộ cây trồng trên đất bà B, bà T2, bà H không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1 và ông Huỳnh Văn P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận kháng cáo, nên bà T1 và ông P1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1 và ông Huỳnh Văn P1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2018/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ bà Phạm Thị O để lại.

Ông Huỳnh Văn P, được nhận hưởng phần diện tích đất 118,3m² thuộc một phần thửa 1110, giới hạn bởi các mốc H-E-B-A-H; Diện tích 279,2m² thuộc một phần thửa 1226 giới hạn bởi các mốc 15-N-E-H-A-B-J-K-15; Diện tích 1.429,7m² thuộc một phần thửa 1083 giới hạn bởi các mốc 23-31-33-11-12-22-23 cùng các cây trồng và công trình kiến trúc khác gắn liền với đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc yêu cầu được quyền sử dụng diện tích là 629,9m² thuộc một phần thửa 1083, tờ bản đồ số 01, giới hạn bởi các mốc 23-24-30-9-10-33-31-23.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn P1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản cụ bà Phạm Thị O để lại gồm phần đất diện tích 46,6m² của thửa 1110 và diện tích 180,1m² của thửa 1226.

4. Giao cho bà Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị T2 được tiếp tục quản lý đối với các phần diện tích đất :

- Diện tích 181,7m² đất thổ, thuộc một phần thửa số 1110, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc E-D'-D-C-C'-B-E (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- Diện tích 515.2m² đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 1226, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc E-N-N'-14-13-17-K-J-B-C'-C-D-D'-E (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- Diện tích 2.808,7m² đất cây lâu năm, thuộc thửa 1111, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc 12-13-17-18-19-20-21-22-12.

- Diện tích 7.131,4m² đất lúa, thuộc thửa số 1083, tờ bản đồ số 01; giới hạn bởi các mốc 24-23-31-33-10-9-8-7-6-5-4-3-2-1-29-28-27-26-25-24 (ngoài phạm vi diện tích đất đã giao cho ông Huỳnh Văn P được quyền sử dụng).

- Diện tích 275,2m² đất cây lâu năm thuộc thửa 1109, tờ bản đồ 01 giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 1 và toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Và toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp A, xã C, huyện X, tỉnh Đồng Tháp.

Các diện tích đất trên được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2013 và sơ đồ trích đo hiện trạng đất ngày 08/6/2018.

5. Về chi phí xem xét thẩm định định giá tài sản, đo đạc:

Chi phí định giá 1.600.000 đồng, chi phí đo đạc 5.375.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn P đã nộp 1.000.000 đồng chi phí định giá và 3.250.000 đồng chi phí đo đạc. Bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông P 500.000 đồng chi phí định giá và 1.625.000 đồng chi phí đo đạc. Tổng cộng bà T1 phải trả cho ông P là 2.125.000 đồng.

- Ông P1 tự nguyện chịu 600.000đ chi phí định giá và 2.125.000 đồng chi phí đo đạc. Ông P1 đã nộp và chi xong.

6. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn P phải nộp 6.242.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 009959, ngày 30/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X sẽ được trừ vào tiền án phí. Ông P phải nộp thêm 6.042.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Sáu triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

- Ông Huỳnh Văn P1 phải nộp 1.562.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 1.862.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí ông P1 đã nộp 3.424.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng số 024637, ngày 30/9/2014 và 0005760, ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X được trừ vào tiền án phí. Ông P1 được nhận lại 1.562.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Bà Huỳnh Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0005790 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X được trừ vào tiền án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND H. X;
- CCTHADS H. X;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng